TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **103**/2020/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 92/2020/TLST-VDS ngày 05 tháng 03 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phùng Thị Ngọc N, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Trần Duy T, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 05/3/2020, bà Phùng Thị Ngọc N và ông Trần Duy T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Phùng Thị Ngọc N và ông Trần Duy T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc bà Phùng Thị Ngọc N và ông Trần Duy T thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Phùng Thị Ngọc N và ông Trần Duy T thống nhất giao 02 con chung là cháu Trần Quý B, sinh ngày 26/6/2014 và cháu Trần Hàn T, sinh

ngày 19/02/2018 cho bà Phùng Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Phùng Thị Ngọc N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Ngọc N và ông Trần Duy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Quý B, sinh ngày 26/6/2014 và cháu Trần Hàn T, sinh ngày 19/02/2018 cho bà Phùng Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phùng Thị Ngọc N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Trần Duy T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông Trần Duy T lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bà Phùng Thị Ngọc N thì bà Phùng Thị Ngọc N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với ông Trần Duy T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Trần Quý B và cháu Trần Hàn T, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phùng Thị Ngọc N và ông Trần Duy T mỗi người phải chịu số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0041552 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND xã L, huyện B;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Tuyền